

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Quảng Trị, ngày tháng năm 2022*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Đề cương, nhiệm vụ lập dự án Xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2022**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25/11/2014;*

*Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 25/11/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản;*

*Căn cứ Thông tư số 27/2016/TT-BXD ngày 15/12/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và Sở Xây dựng tại Tờ trình số 807/TTr-SXD ngày 29/4/2022.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề cương, nhiệm vụ lập dự án Xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2022 với các nội dung sau:

**1. Tên dự án:** Xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2022.

**2. Mục tiêu và nhiệm vụ:**

**2.1. Mục tiêu:**

Nhằm triển khai thực hiện Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và

thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, trọng tâm là việc xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản góp phần tăng tính minh bạch thông tin trên thị trường bất động sản, hỗ trợ cho các cơ quan quản lý nhà nước trong quản lý, định hướng phát triển nhà ở và thị trường bất động sản; làm cơ sở cho việc đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở hàng năm đã được UBND tỉnh phê duyệt và xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh.

## **2.2. Nhiệm vụ:**

- Khảo sát, thu thập số liệu thông tin, giá nhà ở và bất động sản trên toàn tỉnh Quảng Trị cho từng khu vực; Thu thập, tổng hợp, tính toán số liệu thông tin nhà ở và thị trường bất động sản các tháng, quý và năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị làm cơ sở báo cáo Bộ Xây dựng;

- Thu thập số liệu, tính toán Chỉ số giá giao dịch một số loại bất động sản các quý, năm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Thu thập số liệu, tính toán Chỉ số lượng giao dịch bất động sản các quý, năm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

## **3. Nội dung chính của dự án:**

### **3.1. Thu thập, tổng hợp, tính toán số liệu thông tin nhà ở và thị trường bất động sản các tháng, quý và năm:**

- Cơ sở dữ liệu về nhà ở, gồm: Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về nhà ở và đất ở do địa phương ban hành theo thẩm quyền; Số liệu, kết quả thống kê, tổng hợp, báo cáo của các chương trình điều tra, thống kê về nhà ở tại địa phương; Các thông tin, dữ liệu về chương trình, kế hoạch phát triển nhà của địa phương; thông tin cơ bản, số lượng các dự án đầu tư xây dựng nhà ở; số lượng và diện tích từng loại nhà ở; diện tích đất để đầu tư xây dựng nhà ở; Số lượng, diện tích nhà ở đô thị, nông thôn; Số lượng, diện tích nhà ở thuộc sở hữu của Nhà nước, tập thể, cá nhân và thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân nước ngoài; Cơ sở dữ liệu về nhà ở phân theo mức độ kiên cố xây dựng; Các biến động liên quan đến quá trình quản lý, sử dụng nhà ở, đất ở; Số lượng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà; Công tác quản lý nhà chung cư; Các chỉ tiêu thống kê khác về nhà ở tại địa phương.

- Cơ sở dữ liệu về thị trường bất động sản địa phương, gồm: Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến thị trường bất động sản do địa phương ban hành theo thẩm quyền; Số lượng, tình hình triển khai các dự án, số lượng từng loại sản phẩm bất động sản của dự án; nhu cầu đối với các loại bất động sản theo thống kê, dự báo; Tình hình giao dịch bất động sản gồm các thông tin về lượng giao dịch, giá giao dịch; Các thông tin, dữ liệu về các khoản thu ngân sách từ đất đai và hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản; Cơ sở dữ liệu về sàn giao dịch bất động sản; Số lượng nhà ở cho thuê và các loại bất

động sản quy định tại điểm c, d, đ khoản 3 Điều 6 Nghị định số 117/2015/NĐ-CP; Các chỉ tiêu thống kê khác về tình hình phát triển thị trường bất động sản tại địa phương.

### ***3.2. Thu thập số liệu, tính toán xác định chỉ số giá giao dịch một số loại bất động sản các quý, năm:***

Giá giao dịch bất động sản là giá của bất động sản được giao dịch thành công trên thị trường (giao dịch đã thanh toán đầy đủ hoặc chưa thanh toán đầy đủ nhưng đã bàn giao bất động sản) trong giai đoạn tính toán, không phải là giá giao dịch lần đầu của bất động sản mới được hình thành hay mới được tạo lập trong dự án.

Các loại bất động sản được lựa chọn để thu thập giá gồm: nhà ở riêng lẻ để bán, căn hộ chung cư để bán, đất nền chuyển nhượng, văn phòng cho thuê. Loại trừ bất động sản dùng cho sản xuất, kinh doanh khác; nhà ở cho thuê và dịch vụ bất động sản.

Chỉ số giá giao dịch một số loại bất động sản là chỉ tiêu tương đối (tính bằng %), phản ánh xu hướng và mức độ biến động về giá giao dịch của một số loại bất động sản thông qua các giao dịch thành công theo thời gian.

Chỉ số giá giao dịch một số loại bất động sản được tính toán cho các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, không tính toán cho cả nước. Chỉ số giá được tính theo quý, năm so sánh với kỳ trước, cùng kỳ năm trước và kỳ gốc.

### ***3.3. Thu thập số liệu, tính toán xác định chỉ số lượng giao dịch bất động sản các quý, năm:***

Chỉ số lượng giao dịch bất động sản là chỉ tiêu tương đối (tính bằng %) phản ánh mức độ biến động về số lượng (gồm số lượng về diện tích hoặc số lượng bất động sản) giao dịch thành công của bất động sản theo thời gian.

### ***3.4. Định mức thực hiện công việc:***

Định mức nội dung công việc, bậc nhân công, số lượng nhân công và thời gian làm việc của nhân công trực tiếp lập nội dung dự án Xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2022 theo Phụ lục đính kèm.

### **4. Sản phẩm của dự án:**

Thuyết minh tính toán; Tập số liệu về nhà ở và thị trường bất động sản các tháng, quý và năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Bộ Chỉ số giá và Chỉ số lượng giao dịch một số loại bất động sản các quý, năm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

### **5. Thời gian thực hiện: Năm 2022.**

### **6. Dự toán kinh phí thực hiện và nguồn vốn:**

- Tổng kinh phí thực hiện: 754.284.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm năm mươi bốn triệu, hai trăm tám mươi bốn nghìn đồng*)

Trong đó:

- |   |                  |
|---|------------------|
| + Chi phí lập đề cương nhiệm vụ và dự toán: | 19.482.000 đồng  |
| + Chi phí lập dự án:                        | 726.864.000 đồng |
| + Chi phí tư vấn lựa chọn nhà thầu:         | 7.938.000 đồng.  |

- Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.

Sở Xây dựng có trách nhiệm lập dự toán cụ thể theo Đề cương, nhiệm vụ đã được phê duyệt, trình Sở Tài chính thẩm định, tham mưu UBND tỉnh phê duyệt bố trí vốn đúng theo quy định.

**Điều 2.** Trên cơ sở Đề cương, nhiệm vụ lập dự án Xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2022 đã được phê duyệt, giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện các nội dung công việc như sau:

1. Giao Sở Xây dựng (Chủ đầu tư dự án) tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì thẩm định dự toán, tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn để triển khai thực hiện dự án.

3. Các Sở, ban ngành và các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng cung cấp các thông tin liên quan đến việc lập dự án Xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2022.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT<sub>TDP</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Đức Tiến**

## PHỤ LỤC

**Định mức nội dung công việc, bậc nhân công, số lượng nhân công và thời gian làm việc của nhân công trực tiếp lập dự án Xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2022**

(Kèm theo Quyết định số                      /QĐ-UBND ngày      /      /2022 của UBND tỉnh)

| Stt       | Khoản chi phí   | Đơn vị | Số lượng | Số ngày |
|-----------|---|--------|----------|---------|
| (1)       | (2)   | (3)    |          | (4)     |
| <b>I</b>  | <b>Tư vấn lập đề cương nhiệm vụ và dự toán</b>  |        |          |         |
| <b>1</b>  | <b>Chi phí nhân công khảo sát hiện trường</b>   |        |          |         |
| 1.1       | Chuyên gia loại 3 điều tra, khảo sát, thu thập  | Người  | 1        | 3       |
| <b>2</b>  | <b>Chi phí nhân công lập đề cương nhiệm vụ và dự toán chi phí</b>                       |        |          |         |
| 2.1       | Chuyên gia loại 2 tính toán, xử lý số liệu  | Người  | 3        | 3       |
| 2.2       | Chuyên gia loại 1 chủ trì rà soát, kiểm tra, chỉnh sửa                                  | Người  | 1        | 3       |
| <b>II</b> | <b>Thu thập, tổng hợp, tính toán số liệu thông tin nhà ở và thị trường bất động sản</b> |        |          |         |
| <b>1</b>  | <b>Chi phí nhân công thu thập số liệu</b>   |        |          |         |
| 1.1       | Chuyên gia loại 1 Chủ trì rà soát, kiểm tra, chỉnh sửa                                  | Người  | 1        | 46      |
| 1.2       | Chuyên gia loại 3 Thu thập số liệu  | Người  | 3        | 46      |
| <b>2</b>  | <b>Chi phí nhân công tổng hợp tính toán số liệu</b>                                     |        |          |         |
| 2.1       | Chuyên gia loại 1 Chủ trì hướng dẫn, rà soát, kiểm tra, chỉnh sửa                       | Người  | 1        | 30      |
| 2.2       | Chuyên gia loại 2 Tổng hợp tính toán số liệu  | Người  | 3        | 30      |

| Stt        | Khoản chi phí   | Đơn vị | Số lượng | Số ngày |
|------------|---|--------|----------|---------|
| <b>III</b> | <b>Thu thập số liệu, tính toán Chỉ số giá giao dịch và Chỉ số lượng giao dịch</b> |        |          |         |
| <b>1</b>   | <b><i>Chi phí nhân công thu thập số liệu</i></b>                                  |        |          |         |
| 1.1        | Chuyên gia loại 1 Chủ trì hướng dẫn, rà soát, kiểm tra, chỉnh sửa                 | Người  | 1        | 28      |
| 1.2        | Chuyên gia loại 3 Thu thập số liệu  | Người  | 3        | 28      |
| <b>2</b>   | <b><i>Chi phí chuyên gia tổng hợp tính toán số liệu</i></b>                       |        |          |         |
| 2.1        | Chuyên gia loại 1 Chủ trì hướng dẫn, rà soát, kiểm tra, chỉnh sửa                 | Người  | 1        | 40      |
| 2.2        | Chuyên gia loại 2 Tổng hợp tính toán số liệu                                      | Người  | 4        | 40      |

